

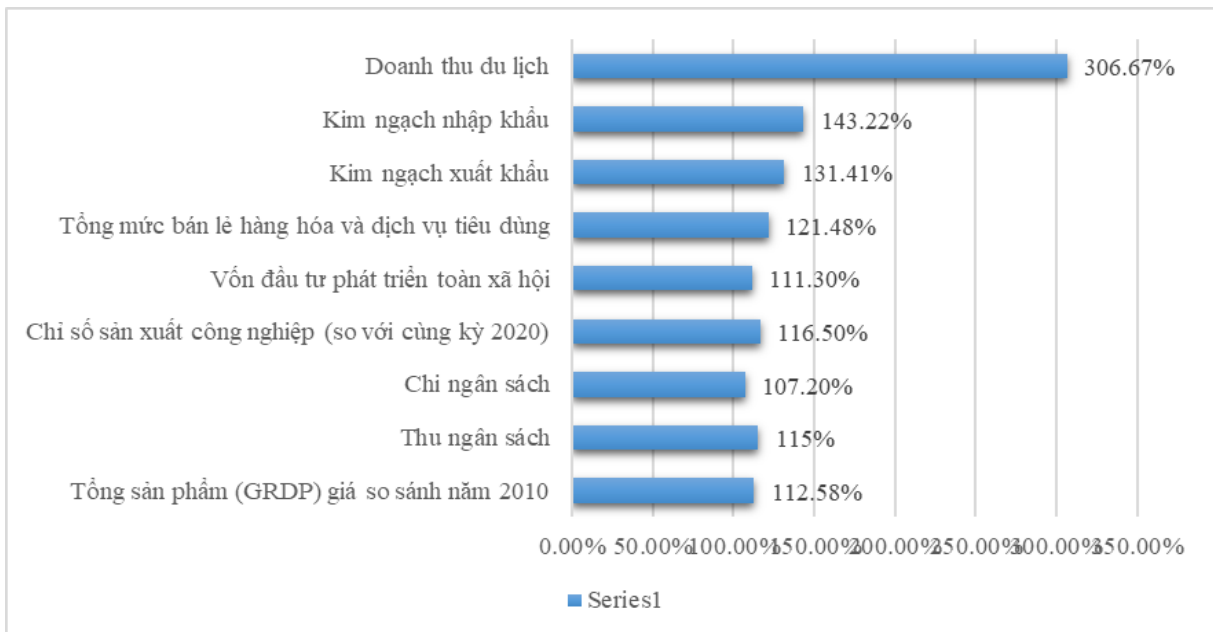
Số: /BC-DVVLKH

Khánh Hòa, ngày tháng 7 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG QUÝ II**  
**VÀ DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC QUÝ III NĂM 2022**

**I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI**

Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước của tỉnh Khánh Hòa. *Nguồn: Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 (Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 10/6/2022).*



**Hình 1: Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 6 tháng đầu năm 2022**

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (theo giá so sánh năm 2010) ước tăng 12,58% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022 ước tăng 16,50% so với cùng kỳ 2020; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 21,48% so với cùng kỳ năm trước; Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tăng 31,41%, Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tăng 43,22% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm, doanh thu du lịch ước tăng 206,67% so với cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước tăng 11,30%; Chi ngân sách ước tăng 7,20%, Thu ngân sách ước tăng 15%.

**1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP)**

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (theo giá so sánh năm 2010) ước tăng 12,58% so với cùng kỳ năm trước trong đó GRDP theo ngành kinh tế ước tăng 13,70% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Khu vực Nông, Lâm nghiệp

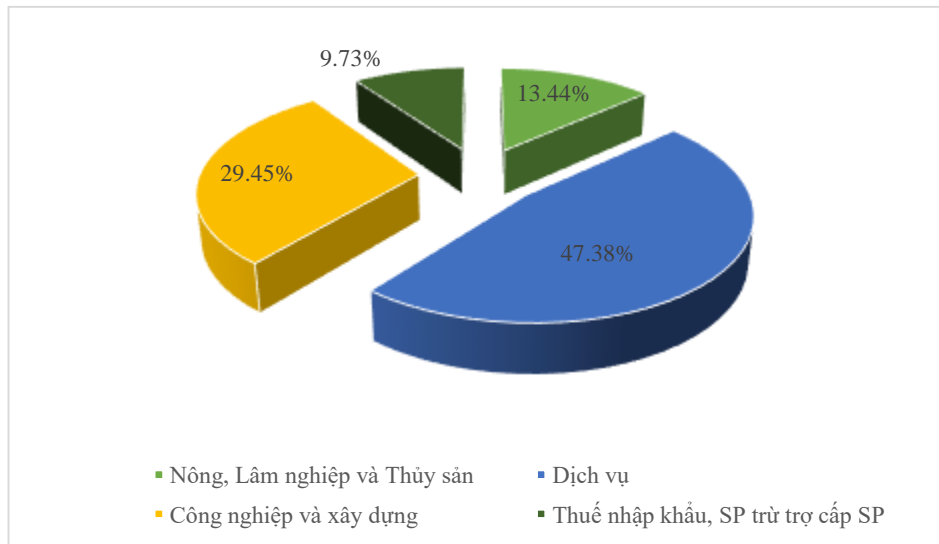
và Thủy sản ước tăng 0,65%; Khu vực công nghiệp và xây dựng ước tăng 14,09%; Khu vực dịch vụ ước tăng 17,32%; Thuế nhập khẩu, sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước tăng 3,34%.

## 2. Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành:

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2022:

- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản ước chiếm tỷ trọng 13,44%,
- Ngành công nghiệp và xây dựng ước chiếm 29,45%,
- Ngành dịch vụ ước chiếm 47,38%,
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước chiếm 9,73%.

(Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2021 là: 14,82%; 28,47%; 46,12%; 10,59%).



**Hình 2:** Cơ cấu GRDP theo giá hiện hành

## 3. Lao động và việc làm:

6 tháng đầu năm 2022, tổng số lao động đang làm việc toàn tỉnh Khánh Hòa ước tính là 654,7 ngàn người; ước thực hiện 99,20% kế hoạch năm 2022, giảm 1,7% so với cùng kỳ 2021. Trong đó, số lao động có việc làm tăng thêm 6 tháng đầu năm 2022 ước tính là 6.300 người, ước thực hiện 54,8% kế hoạch năm. Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 87 người, ước thực hiện 87% kế hoạch năm 2022, tăng 235,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Tổng 6 tháng đầu năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn tỉnh ước đạt 81,5% (cùng kỳ năm 2021 là 80,5%) trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ ước đạt 27,15%. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc và tự nguyện) ước đạt 22,82%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp ước đạt 19,18% (cùng kỳ năm 2021 là 19,93%).

STT	Lao động và việc làm	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2021	Năm 2022		Ước thực hiện 6 tháng 2022 so với	
				Kế hoạch 2022	Ước thực hiện 6 tháng 2022	Kế hoạch 2022 (%)	6 tháng 2021 (%)
1	Tổng số lao động đang làm việc	Ngh.người	665,9	659,9	654,7	99,2	98,3
2	Số lao động có việc làm tăng thêm trong năm	Người		11.500	6.300	54,8	
3	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	37	100	87	87,0	235,1
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	80,5	82	81,5		
	Trong đó:						
	- Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	26,05	27,6	27,15		
5	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc và tự nguyện)	%	24,16	27,76	22,82		
6	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	19,93	21,88	19,18		

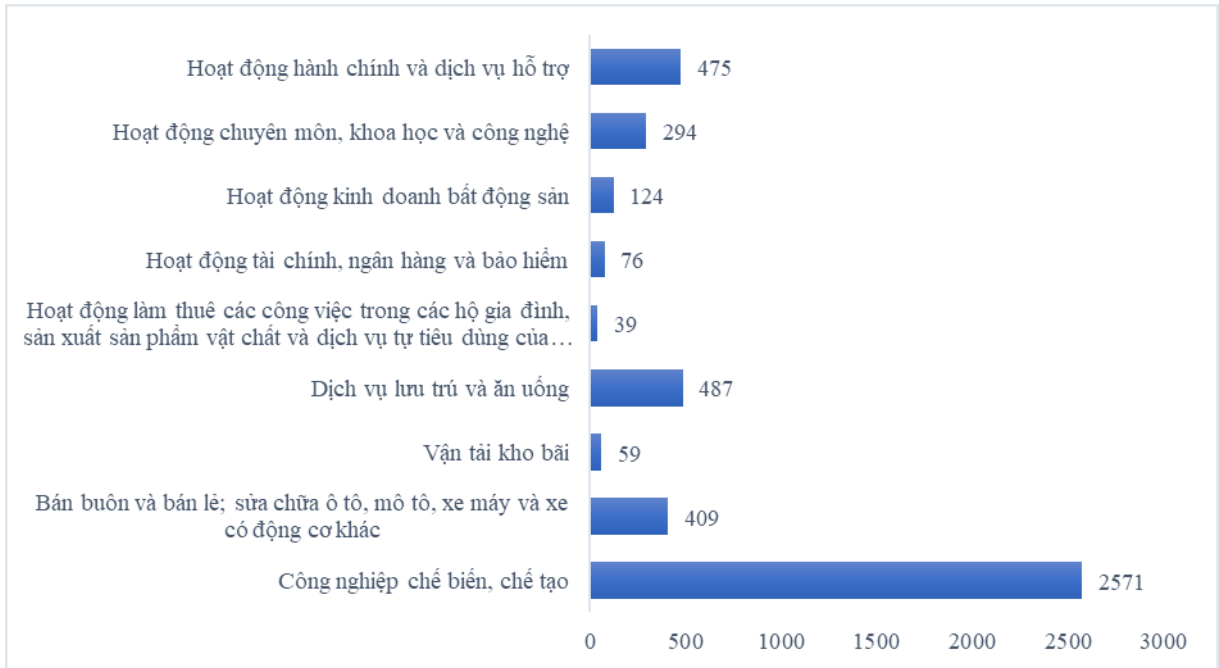
**Bảng 1: Tình hình Lao động - Việc làm 6 tháng đầu năm 2022**

## II. XU HƯỚNG TUYỂN DỤNG VÀ TÌM VIỆC LÀM

Trong quý II/2022, Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa đã thực hiện khảo sát, thu thập cung – cầu lao động trên địa bàn tỉnh thông qua các doanh nghiệp, các kênh thông tin việc làm của 459 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 4.609 vị trí; 2.959 lao động có nhu cầu tìm việc làm. Tổng hợp phân tích kết quả khảo sát như sau:

### 1. Nhu cầu tuyển dụng lao động

Các nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng cao nhất quý II/2022: Công nghiệp chế biến, chế tạo có nhu cầu 2.571 lao động (chiếm 55,98% nhu cầu tuyển dụng trong quý); Dịch vụ lưu trú và ăn uống có nhu cầu 487 lao động (chiếm 10,57%); Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ có nhu cầu 475 lao động (chiếm 10,31%).



**Hình 3:** Nhu cầu tuyển dụng lao động quý II/2022

#### **Phân theo trình độ đào tạo:**

Cơ cấu nhu cầu tuyển dụng lao động trong quý phân theo trình độ đào tạo:

- Lao động phổ thông chiếm 72,81% chủ yếu tuyển dụng các vị trí Công nhân may, Công nhân chế biến thủy sản, Nhân viên giao hàng, Tạp vụ, Phụ bếp, Bất động sản, Giúp việc nhà...;

- Sơ cấp 5,01% chủ yếu tuyển dụng Lái xe; thợ cơ khí, điện nước; Nhân viên bếp; Bartender; Nhân viên kinh doanh...;

- Trung cấp 11,33%;

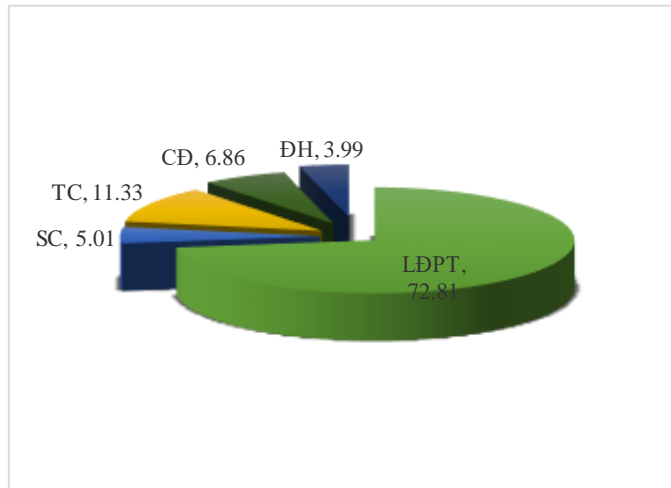
- Cao đẳng 6,86%;

- Đại học và Trên đại học chiếm 3,09% chủ yếu ở các vị trí Lập trình viên; Kỹ sư xây dựng, Nhân viên KCS; Quản lý dự án, Kế toán trưởng...

#### **Phân theo mức lương:**

Nhu cầu tuyển dụng lao động trong quý phân theo mức lương:

- Dưới 3,8 triệu chiếm 0,58% ở các vị trí Nhân viên bán thời gian, Dọn phòng, Tạp vụ, Nhân viên phục vụ...;



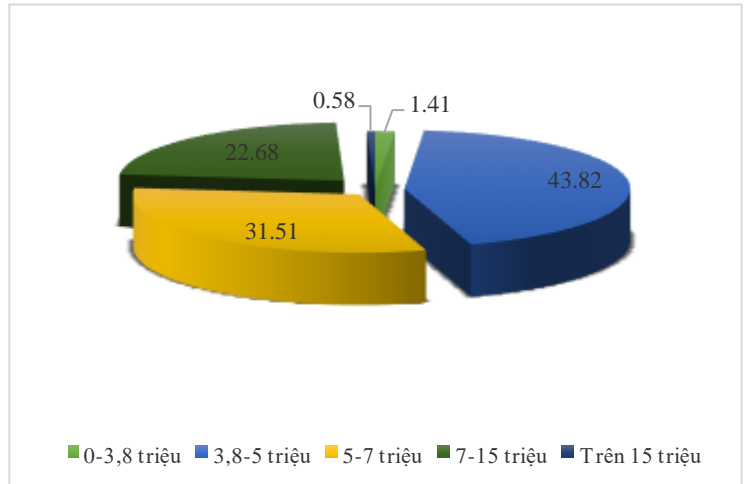
**Hình 4:** Nhu cầu tuyển dụng phân theo trình độ

- Từ 3,8 – 5 triệu chiếm 22,68% ở các vị trí Công nhân may, Bán hàng, Lễ tân, Bảo vệ, Thủ kho...;

- Từ 5 – 7 triệu chiếm 31,51% chủ yếu tuyển các vị trí Pha chế, Nhân viên kỹ thuật, Kế toán, Lái xe, Công nhân bảo trì, Nhân viên kinh doanh, Sales...;

- Từ 7 – 15 triệu chiếm 43,82% chủ yếu ở các vị trí Kiến trúc sư, Nhân viên phòng lab, Nhân viên KCS, Quản lý, Kế toán tổng hợp, giám sát, Kỹ sư...;

- Trên 15 triệu chiếm 1,41%.

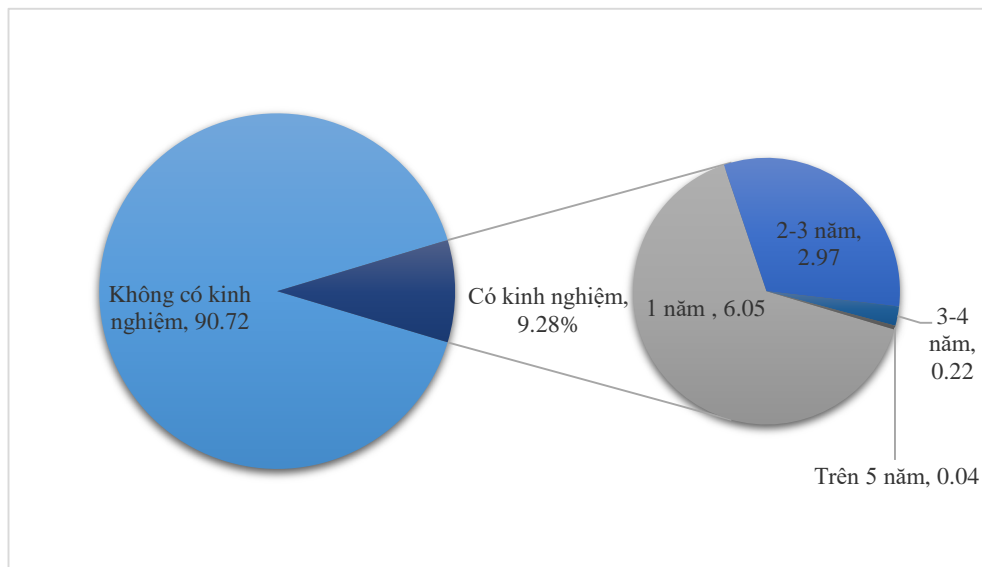


**Hình 5:** Nhu cầu tuyển dụng phân theo mức lương

#### **Phân theo kinh nghiệm:**

Nhu cầu tuyển dụng lao động phân theo kinh nghiệm:

- Không yêu cầu kinh nghiệm chiếm 86,52%;
- Yêu cầu kinh nghiệm chiếm 13,48%. Trong đó:
  - + 1 năm chiếm 9,68%;
  - + 2 – 3 năm chiếm 3,38%;
  - + 3 – 4 năm chiếm 0,41%.

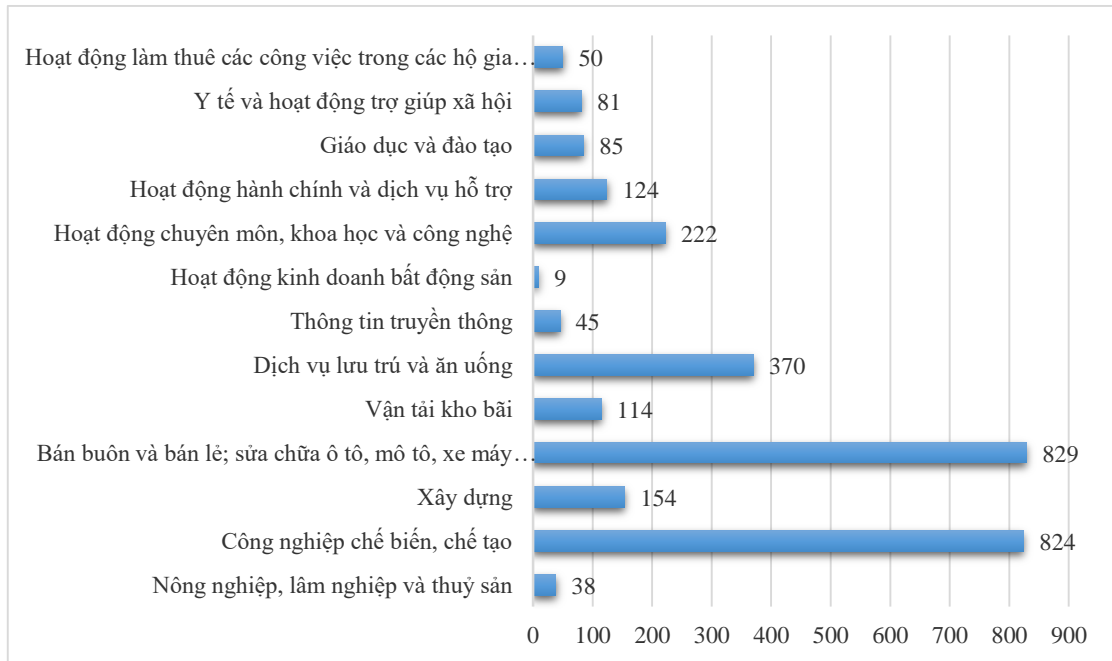


**Hình 6:** Nhu cầu tuyển dụng phân theo kinh nghiệm

## **2. Nhu cầu tìm việc làm**

Qua khảo sát tại Trung tâm Dịch vụ việc làm, số lao động có nhu cầu tìm việc quý II/2022 là 2.959 người, tập trung chủ yếu ở các nhóm ngành như:

Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (28,02%), Công nghiệp chế biến, chế tạo (27,85%), Dịch vụ lưu trú và ăn uống (12,50%), Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ (7,505), Xây dựng (5,20%), Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (4,19%).



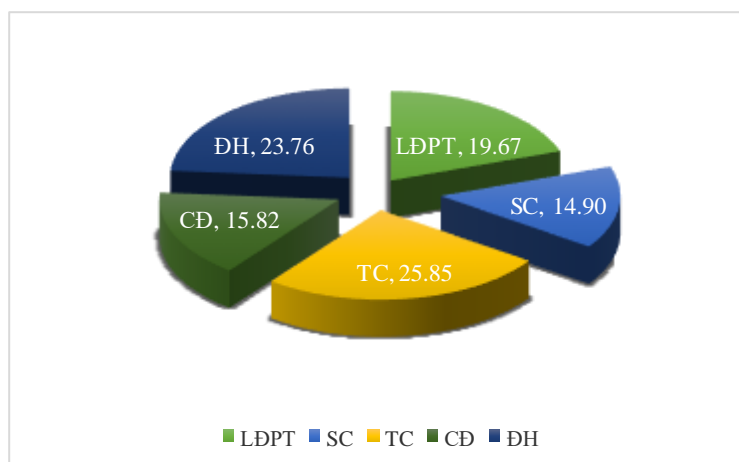
**Hình 7:** Một số nhóm ngành nghề có nhu cầu tìm việc cao trong quý

**Về trình độ lao động:** Theo kết quả khảo sát trình độ của người tìm việc trong quý như sau:

- Trình độ Đại học và trên Đại học chiếm 23,76%, chủ yếu ở các nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Dịch vụ lưu trú và ăn uống ...

- Trình độ Cao đẳng chiếm 15,82% chủ yếu ở các nhóm ngành Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Công nghiệp chế biến chế tạo...

- Trình độ Trung cấp chiếm 25,85% chủ yếu ở các nhóm ngành Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Xây dựng...



**Hình 8:** Nhu cầu tìm việc phân theo trình độ đào

- Trình độ Sơ cấp nghề chiếm 14,90% chủ yếu ở nhóm Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Giáo dục và đào tạo...

- Lao động phổ thông chiếm 19,67% chủ yếu ở các nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình...

**Về mức lương:** Mức lương của lao động có nhu cầu tìm việc quý II/2022 cụ thể như sau:

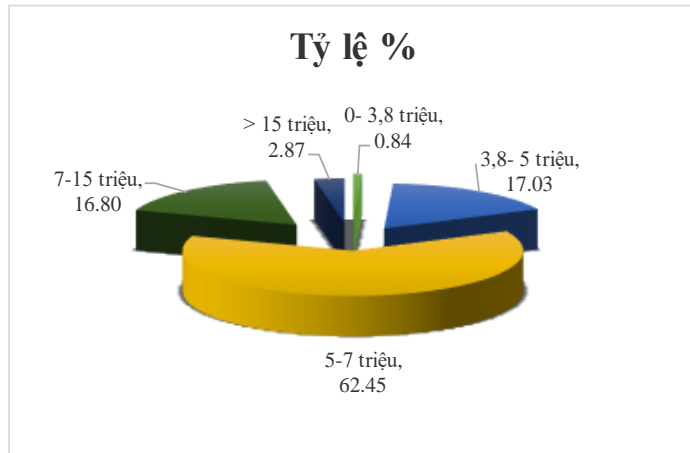
- Dưới 3,8 triệu chiếm 0,84%;

- Từ 3,8 triệu – 05 triệu chiếm 17,03%;

- Từ 5 triệu đến 7 triệu chiếm 62,45%;

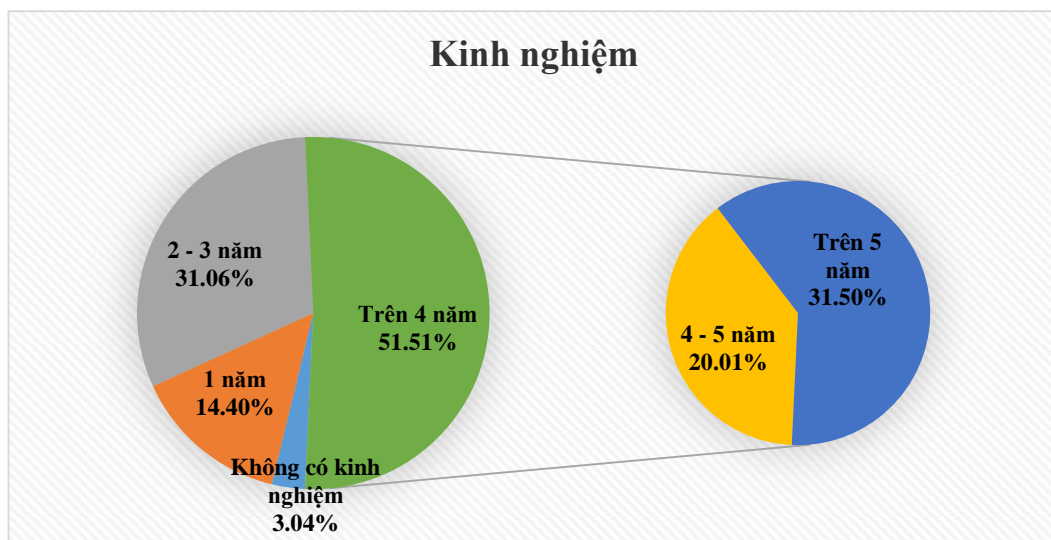
- Từ 7 triệu đến 15 triệu chiếm 16,80%

- Trên 15 triệu chiếm 2,87%.



**Hình 9:** Nhu cầu tìm việc phân theo mức lương

**Về kinh nghiệm:** Theo kết quả khảo sát nhu cầu tìm việc trong quý phân theo kinh nghiệm như sau:



**Hình 10:** Nhu cầu tìm việc phân theo kinh nghiệm

- Trên 5 năm kinh nghiệm chiếm 31,50%. Chủ yếu ở các nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú, ăn uống; Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ...

- Từ 4 – 5 năm kinh nghiệm chiếm 20,01% chủ yếu ở nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú, ăn uống; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác..;

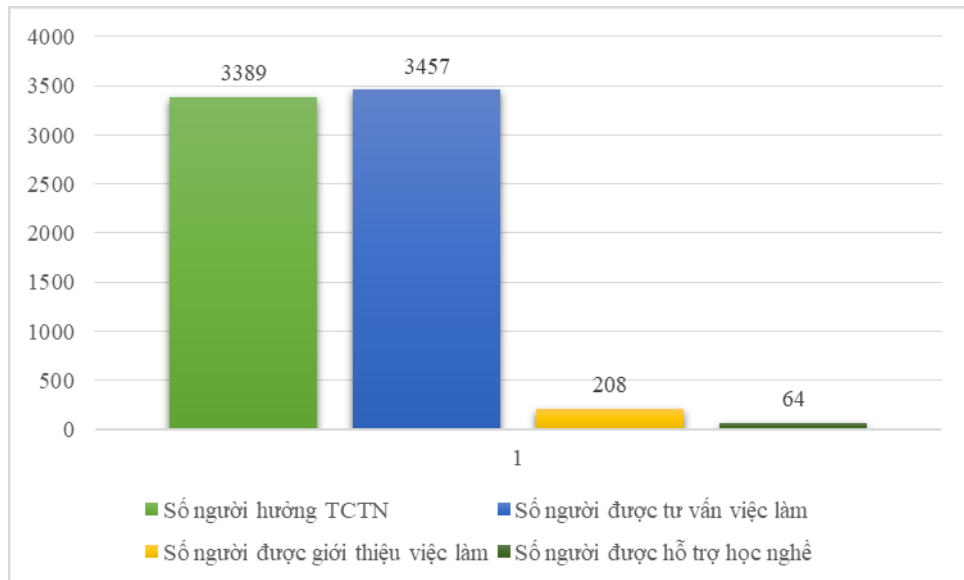
- Từ 2 - 3 năm kinh nghiệm chiếm 31,06%;
- 1 năm kinh nghiệm chiếm 14,40%;
- Không có kinh nghiệm chiếm 3,04%;

### III. CHÍNH SÁCH THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

#### 1. Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN):

Trong quý II/2022, kết quả công tác BHTN:

- Số người được hưởng Trợ cấp thất nghiệp là 3.389 người;
- Số người được tư vấn việc làm là 3.457 người;
- Giới thiệu việc làm cho 208 người có việc làm;
- Hỗ trợ học nghề cho 64 người.

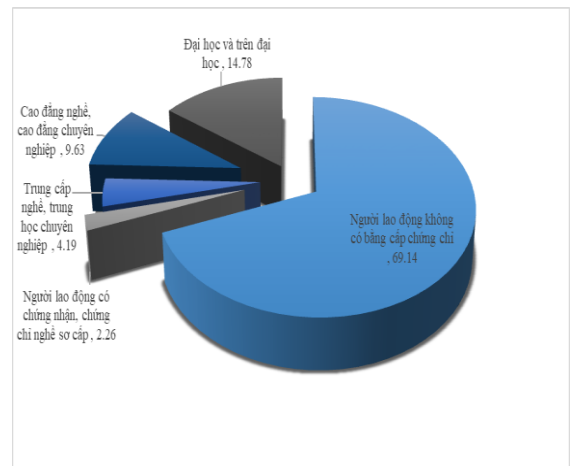


**Hình 11:** Kết quả thực hiện công tác BHTN quý II/2022

#### 1.1. Cơ cấu người đăng ký BHTN theo trình độ:

Cơ cấu người đăng ký BHTN theo trình độ:

- Người lao động không có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 69,14%;
- Người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề sơ cấp chiếm 2,26%;
- Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp chiếm 4,19%;
- Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp chiếm 9,63%;
- Đại học và trên đại học chiếm 14,78%.



**Hình 12:** Cơ cấu BHTN theo trình độ



## **1.2. Nguyên nhân thất nghiệp:**

Nguyên nhân thất nghiệp trong quý II/2022:

- Chấm dứt hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc trước thời hạn chiếm 95,05%;
- Người lao động bị xử lý kỷ luật, sa thải chiếm 0,09%;
- Do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu... chiếm 1,76%;
- Hết hạn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc chiếm 2,55%;
- Mất việc làm do nguyên nhân khác chiếm 0,55%.

## **1.3. Cơ cấu người đăng ký BHTN theo ngành làm việc:**

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,14%;
- Khai khoáng chiếm 0,06%;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 0,84%;
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí chiếm 0,49%;
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm 0,64%;
- Xây dựng chiếm 2,49%;
- Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 0,49%;
- Vận tải, kho bãi chiếm 0,49%;
- Dịch vụ lưu trú và ăn uống 5,84%;
- Thông tin và truyền thông chiếm 0,93%;
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm 1,91%;
- Hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 0,29%;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm 0,32%;
- Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ chiếm 0,64%;
- Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT – XH, QLNN, ANQP, BDXH bắt buộc chiếm 0,26%;
- Giáo dục và đào tạo chiếm 5,41%;
- Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội chiếm 1,16%;
- Nghệ thuật, vui chơi và giải trí chiếm 0,06%;
- Hoạt động dịch vụ khác chiếm 75,27%;
- Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình chiếm 0,29%.

## **1.4. Cơ cấu người đăng ký BHTN theo nghề làm việc:**

- Kế toán chiếm 3,99%;
- Nhân viên bán hàng chiếm 3,73%;
- Tư vấn tài chính, đầu tư chiếm 0,23%;
- Giao dịch viên ngân hàng chiếm 0,23%;
- Kỹ thuật xây dựng chiếm 0,87%;
- Kỹ thuật viên điện tử chiếm 1,07%;
- Bác sĩ y khoa chiếm 0,09%;
- Giáo viên dạy nghề chiếm 0,03%;
- Lao động trồng trọt và làm vườn chiếm 0,23%;
- Đầu bếp chiếm 1,85%;
- Hướng dẫn viên du lịch chiếm 0,09%;
- Thợ hàn chiếm 0,61%;
- Thợ may, thêu và các thợ có liên quan chiếm 5,90%;
- Thợ lắp ráp chiếm 0,38%;
- Lái xe khách, xe tải, xe máy chiếm 2,83%;
- Người quét dọn và giúp việc gia đình, khách sạn và văn phòng chiếm 1,04%;
- Nhân viên dịch vụ bảo vệ chiếm 3,21%;
- Người đưa tin, người giao hàng chiếm 0,93%;
- Nghề nghiệp khác chiếm 72,69%.

## **2. Xuất khẩu lao động:**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, trong 2 năm qua, hoạt động đưa người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng hầu như bị "đóng băng". Đến thời điểm hiện tại, tình hình dịch Covid-19 đã cơ bản ổn định nên thị trường xuất khẩu lao động cũng khởi sắc và sôi động trở lại. Các nước đã mở cửa tiếp nhận trở lại lao động nước ngoài, trong đó có lao động Việt Nam. Cụ thể, các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, CHLB Đức, Úc, Đài Loan tham gia tuyển dụng lao động và du học nghề các ngành như chế biến thực phẩm, nhà hàng, khách sạn, xây dựng, nông nghiệp, điều dưỡng/hộ lý, thi công cốt thép, hàn, cơ khí, sơn, dệt, may mặc... với số lượng tuyển dụng lớn; Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (Chương trình EPS) do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai đã thu hút được đông đảo người lao động tham gia.

Dự báo nhu cầu tuyển dụng lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài theo hợp đồng tăng trong quý III với nhu cầu bình quân mỗi tháng là 1.000 người ở các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, CHLB Đức, Úc, Đài Loan với đa dạng các ngành nghề, lương và chế độ đãi ngộ tốt.

#### **IV. DỰ BÁO NHU CẦU LAO ĐỘNG QUÝ III/2022**

Bước vào nửa cuối năm 2022, nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như tỉnh Khánh Hòa nói riêng đang trong quá trình phục hồi nhưng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, trở ngại.

*Thứ nhất* là các rủi ro từ đại dịch, nguy cơ xuất hiện biến chủng mới mặc dù những diễn biến gần đây cho thấy sự cải thiện trong kiểm soát dịch bệnh toàn cầu.

*Thứ hai* là áp lực lạm phát và chi phí sản xuất đang tăng lên rất mạnh.

*Thứ ba* là sự chậm lại của kinh tế toàn cầu và các nền kinh tế kinh tế đối tác quan trọng của Việt Nam, đặc biệt là Trung Quốc trong bối cảnh nước này vẫn tiếp tục chính sách "zero COVID" với các biện pháp kiểm soát dịch nghiêm ngặt có thể gây căng thẳng cho nền kinh tế, ảnh hưởng tới các chuỗi cung ứng, qua đó tác động tới kinh tế Việt Nam.

Quý III/2022 dự kiến nhu cầu nhân lực tỉnh Khánh Hòa tăng khoảng 6% so với quý II/2022, tập trung ở các ngành như Công nghiệp chế biến, chế tạo; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; ...

Theo cơ cấu trình độ, dự báo nhu cầu tuyển dụng nhân lực có trình độ Đại học trở lên chiếm khoảng 4,78%; Cao đẳng 8,47%; Trung cấp 11,89%; Sơ cấp 11,77%; LĐPT chiếm khoảng 63,09%.

Trên đây là những thông tin được cập nhật tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo nhằm phục vụ cho định hướng kết nối cung – cầu lao động tại địa phương ngày càng tốt hơn./.

#### **GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Sở LĐ-TBXH;
- P.LĐ-VL; P.KHTC (Sở LĐ-TBXH);
- Giám đốc Trung tâm DVVL Khánh Hòa;
- Các Sở, ban ngành tỉnh Khánh Hòa;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng LĐ-TBXH các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các trường ĐH, CĐ, TC trên địa bàn tỉnh;
- Website [thongtinvieclamkhanhhoa.vn](http://thongtinvieclamkhanhhoa.vn);
- Lưu: VT, P.HC-NV, T.Vũ.

**Chu Văn Công**